

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 15/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 26-02-2019

V/v tranh chấp “Ly hôn”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Thực;

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Văn Tư;

- Bà Lê Thị Vân.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Phạm Minh Đăng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lậy tham gia phiên tòa:* Ông Trần Văn Truyền – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 22 và 26 tháng 02 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 586/2018/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 12 năm 2018 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2019/QĐXX-ST ngày 28 tháng 01 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh **Phạm Thanh V**, sinh năm 1968; cư trú tại: Ấp TT, xã TP, huyện C, tỉnh Tiền Giang. (Có mặt)

- *Bị đơn:* Chị **Huỳnh Thị Ngọc Đ**, sinh năm 1968; cư trú tại: Ấp TT, xã TP, huyện C, tỉnh Tiền Giang. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*. *Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án, nguyên đơn, anh Phạm Thanh V trình bày:* Anh và chị Huỳnh Thị Ngọc Đ tổ chức đám cưới và về chung sống với nhau từ năm 2000 nhưng đến ngày 11-5-2007 mới tiến hành đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TP, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Từ khi cưới cho đến năm 2008, anh và chị Đ chung sống hạnh phúc, có một số mâu thuẫn nhỏ nhưng không trầm trọng. Từ cuối năm 2008, anh bỏ nhà đi cho đến nay, lý do anh đi là do mâu thuẫn giữa vợ anh và mẹ ruột anh

và với các con riêng của anh nhưng anh không hòa giải được nên anh chán và bỏ đi. Từ đó đến nay, anh có quen, có sống với một số người phụ nữ khác nhưng không phải chung sống như vợ chồng với nhau, không có con với họ. Hiện nay anh không có chung sống như vợ chồng với người phụ nữ nào khác. Cách nay vài tháng, anh có về nhà thì chị Đ yêu cầu anh làm đơn ly hôn nên anh mới làm. Nay nhận thấy thời gian vợ chồng không còn chung sống đã lâu, tình cảm đã phai nhạt, mục đích hôn nhân đã không còn nữa nên anh yêu cầu được ly hôn với chị Đ.

Về con chung: Có 01 con chung là Phạm Thị Thanh T, sinh ngày 30-6-2002, cháu T hiện chưa thành niên, đang sống với chị Đ nên anh đồng ý để chị Đ tiếp tục nuôi cháu T. Ngoài ra, anh còn có hai người con với người vợ trước là Phạm Thanh T1, sinh năm 1990, Phạm Thị Thanh T2, sinh năm 1994, hiện T1, T2 đã đủ 18 tuổi, lao động được và cũng không chung sống với chị Đ nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh có ý kiến tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung cho cháu T mỗi tháng 1.000.000 đồng, cấp dưỡng kể từ tháng 3-2019 cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi, lao động được.

Về tài sản chung: Có 01 căn nhà cất trên phần đất 300m² tọa lạc tại ấp TT, xã TP, huyện C, tỉnh Tiền Giang của cha anh là ông Nguyễn Văn P cho, chưa sang tên cho vợ chồng anh, anh đồng ý để căn nhà và phần đất này cho chị Đ và cháu T tiếp tục ở, anh không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*. *Bị đơn, chị Huỳnh Thị Ngọc Đ trình bày:* Chị thống nhất thời điểm kết hôn và con chung như anh V trình bày. Khi cưới xong thì anh V lên nhà di ruột của anh V ở MH – Long An để làm thuê cho vừa giấy. Khoảng tháng 12-2008, anh V bỏ đi luôn cho đến khi em anh V chết ngày 06-5-2015 âm lịch thì anh V có về đám tang, sau đám tang thì anh V tiếp tục đi. Khi cha chồng chị bệnh vào năm 2017 thì anh V cũng có về thăm cha chồng nhưng cũng không gặp chị. Như vậy, từ năm 2008 thì vợ chồng chị không còn chung sống với nhau nữa cho đến nay. Anh V cũng chung sống với người phụ nữ khác từ lúc bỏ chị đi đến nay, hiện anh V và người phụ nữ đó đã có 01 con trai khoảng 06 – 07 tuổi. Anh V cho rằng chị và mẹ chồng có mâu thuẫn là không đúng, chị hỏi thì mẹ chồng chị không trả lời chứ không có mâu thuẫn gì gay gắt, còn các con riêng của anh V thương chị chứ không có mâu thuẫn gì. Nay chị vẫn còn thương anh V nên không đồng ý ly hôn, chị chỉ đồng ý ly hôn nếu anh V làm thủ tục chuyển quyền sử dụng đất sang cho con chị. Đối với ý kiến tự nguyện cấp dưỡng của anh V, nếu anh V có khả năng thì anh V tự thực hiện, chị không có ý kiến.

Về con chung: Chị thống nhất với lời trình bày của anh V, chị không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con, nếu anh V tự nguyện cấp dưỡng thì chị đồng ý.

Về tài sản chung: Chị yêu cầu chuyển tên qua cho con chị phần nhà, đất. Chị đã được Tòa án thông báo nếu có yêu cầu chia tài sản chung thì phải làm đơn và nộp cho Tòa án, lý do chị không làm đơn là phía anh V yêu cầu ly hôn thì phải làm thủ tục chuyển tên sang cho con chị, chị không có trách nhiệm phải thực hiện việc này.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa,

- Anh Phạm Thanh V vẫn giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn với chị Huỳnh Thị Ngọc Đ, giao con chung cho chị Đ trực tiếp nuôi dưỡng, anh tự nguyện cấp dưỡng mỗi tháng 1.000.000 đồng. Chị Huỳnh Thị Ngọc Đ không đồng ý ly hôn, chị chỉ đồng ý ly hôn khi anh V chuyển tên quyền sử dụng đất cho chị và con; chị yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung nếu Tòa cho ly hôn, đồng ý để anh V cấp dưỡng. Sau khi tạm ngừng phiên tòa để hai bên tự thỏa thuận về việc giải quyết vụ án, chị Đ có ý kiến đồng ý ly hôn với anh V.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lậy phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, theo đó việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, anh V, chị Đ thuận tình ly hôn và thỏa thuận được với nhau về việc nuôi con chung, cấp dưỡng nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Anh Phạm Thanh V và chị Huỳnh Thị Ngọc Đ tranh chấp về ly hôn; chị Đ hiện cư trú tại ấp Tân Thiện, xã Tân Phong, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thì thẩm quyền giải quyết vụ án là của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy.

[2] Đối với yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

Hôn nhân giữa anh Phạm Thanh V và chị Huỳnh Thị Ngọc Đ là hợp pháp vì có đăng ký và được Ủy ban nhân dân xã Tân Phong, huyện Cai Lậy cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 11-5-2017.

Giữa anh V, chị Đ đều thống nhất vợ chồng đã sống ly thân, không còn cuộc sống vợ chồng với nhau từ khi anh V bỏ đi vào năm 2008 cho đến nay. Và từ đó, anh V không còn quan tâm gì đến cuộc sống vợ chồng với chị Đ, thỉnh thoảng một vài lần anh V có gửi tiền về cho con chung. Như vậy, về mặt pháp lý thì hôn nhân giữa chị Đ, anh V còn tồn tại nhưng thực tế cuộc sống vợ chồng đã không còn kể từ ngày anh V bỏ đi. Tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình

quy định: “Vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau; cùng chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình” và “vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau”. Sau khi tạm ngừng phiên tòa để hai bên tự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án, chị Đ có ý kiến đồng ý ly hôn với anh V. Xét sự thỏa thuận ly hôn giữa anh V, chị Đ là tự nguyện nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3] Về con chung:

Giữa anh Phạm Thanh V và chị Huỳnh Thị Ngọc Đ có 01 con chung là cháu Phạm Thị Thanh T, sinh ngày 30-6-2002. Cháu T hiện do phía chị Đ trực tiếp nuôi dưỡng. Anh V, chị Đ thống nhất thỏa thuận giao con chung cho chị Đ trực tiếp nuôi con, anh V cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng, cấp dưỡng kể từ tháng 3 năm 2019 cho đến khi cháu T tròn 18 tuổi, lao động được. Xét sự thỏa thuận giữa anh V, chị Đ là tự nguyện, phù hợp với nguyện vọng của cháu T nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Về tài sản chung: Chị Đ, anh V đều thống nhất vợ chồng có tài sản chung là căn nhà tình thương và phần đất có diện tích khoảng 300m² tọa lạc tại ấp TT, xã TP, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Đất được cha của anh V tặng cho nhưng chưa sang tên quyền sử dụng đất. Phía anh V có ý kiến đồng ý giao phần nhà, đất này cho chị Đ, cháu T và 02 con riêng của anh V sử dụng, chị Đ đồng ý nhận. Tuy nhiên, do các đương sự không có yêu cầu Tòa án giải quyết, phần đất hiện nay anh V chưa được đứng tên quyền sử dụng mà do phía cha ruột của anh V đại diện hộ đứng tên và chưa có ý kiến thống nhất của cha anh V cũng như các thành viên trong hộ về việc có đồng ý cho đất anh V hay không nên việc thỏa thuận giữa anh V, chị Đ chưa xác định được có ảnh hưởng đến quyền lợi của những người này hay không. Do đó, Hội đồng xét xử không ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của anh V, chị Đ được, nếu sau này có tranh chấp thì hai bên có quyền khởi kiện bằng vụ án khác.

[5] Về án phí: Anh Phạm Thanh V là nguyên đơn khởi kiện xin ly hôn nên phải chịu án phí theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[6] Xét ý kiến đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật

Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Phạm Thanh V và chị Huỳnh Thị Ngọc Đ.

2. Về con chung: Ghi nhận sự tự thỏa thuận của anh Phạm Thanh V và chị Huỳnh Thị Ngọc Đ. Giao cháu Phạm Thị Thanh T, sinh ngày 30-6-2002 cho chị Huỳnh Thị Ngọc Đ là người trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn. Anh V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho chị Đ mỗi tháng 1.000.000 (Một triệu) đồng, thời điểm cấp dưỡng từ tháng 3 năm 2019 cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi, lao động được. Cấp dưỡng vào ngày 01 hàng tháng.

Anh Phạm Thanh V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày chị Đ có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh V chậm thực hiện việc cấp dưỡng thì còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí: Anh Phạm Thanh V phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nhưng được trừ vào số tiền đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 16263 ngày 21-12-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, nên anh V còn phải nộp tiếp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cai Lậy;
- Chi cục THADS huyện Cai Lậy;
- UBND xã TP, huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

Nguyễn Anh Thực